

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành học: **Quản lý đất đai** (Land Management) Mã ngành: 52850103
 Hệ đào tạo: Chính quy Thời gian đào tạo: 4 năm Danh hiệu: Kỹ sư
 Đơn vị quản lý: Bộ môn Tài nguyên đất đai - Khoa Môi trường & TNTN

1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo kỹ sư quản lý đất đai có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, giao tiếp xã hội tốt, có khả năng quản lý, tổ chức sản xuất và chuyên giao kỹ thuật chuyên ngành Quản lý đất đai. Sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng được các vị trí công việc tại các cơ quan sự nghiệp nhà nước; các trường đại học, cao đẳng, học viện và viện nghiên cứu; các cơ quan, tổ chức của chính phủ và phi chính phủ trong lĩnh vực Quản lý đất đai.

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

2.1. Kiến thức

2.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

- Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia.
- Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

2.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

Có hiểu biết sâu rộng về kiến thức cơ sở của ngành Quản lý đất đai gồm: Địa chất, Thổ nhưỡng học, Khí tượng thủy văn, Trắc địa đại cương, Bản đồ học, Trắc địa ảnh và viễn thám, Hệ thống định vị toàn cầu, Hệ thống thông tin địa lý (GIS), Hệ quản trị cơ sở dữ liệu, Pháp luật đất đai, Quản lý đô thị, Quản lý và đánh giá tác động môi trường, Anh văn chuyên ngành, Phương pháp nghiên cứu khoa học ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các môn chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, tiếp cận dễ dàng với công nghệ mới.

2.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

Có kiến thức chuyên ngành sâu đáp ứng yêu cầu của xã hội, của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai như: Quản lý hành chính đất đai, Đăng ký thống kê đất đai, Thanh tra và giải quyết tranh chấp, Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn, Hệ thống thông tin đất đai (LIS), Định giá đất, Tin học chuyên ngành quản lý đất đai, Thị trường bất động sản, Quy hoạch và thiết kế cảnh quan, Đo đạc địa chính, kỹ thuật bản đồ số, Mô hình hóa, Nông nghiệp đô thị, Kinh tế tài nguyên đất đai, Viễn thám ứng dụng trong quản lý, dự báo dịch hại - thiên tai - thảm họa...

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

- Thành thạo kỹ thuật đo đạc bản đồ địa chính, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ thổ nhưỡng, các loại bản đồ chuyên đề thuộc ngành Quản lý đất đai, cùng với các phần mềm kỹ thuật chuyên ngành trong công tác quản lý đất đai (GIS, viễn thám, đo đạc).
- Thành thạo trong công tác đăng ký, thống kê, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai, quy hoạch sử dụng đất...
- Tìm kiếm và sử dụng thông tin trong lĩnh vực Quản lý đất đai
- Ứng dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong lĩnh vực quản lý đất đai.
- Phân tích và đề xuất các chính sách, biện pháp phục vụ cho việc giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, kỹ thuật thuộc lĩnh vực đất đai có hiệu quả.

2.2.2. *Kỹ năng mềm*

- Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.
- Giao tiếp, hợp tác và làm việc với cộng đồng.
- Truyền thông, biết sử dụng các phương tiện hỗ trợ.
- Soạn thảo văn bản, khả năng truy vấn, phân tích, thống kê dữ liệu tài nguyên đất đai.
- Ngoại ngữ: Giao tiếp thông dụng bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.
- Tư duy theo hệ thống và sáng tạo.
- Tổng hợp, phân tích, đánh giá, dự báo, xây dựng kế hoạch và viết báo cáo.
- Đảm nhiệm công tác quản lý và điều hành: cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật.

2.3. **Thái độ**

- Phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cao.
- Thái độ làm việc nghiêm túc, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ và công tác.
- Thái độ giao tiếp lịch sự, có ý thức xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tích cực và làm việc theo hiến pháp và pháp luật.
- Có lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật, hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, có ý thức trách nhiệm đối với đất nước.

3. **Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng đảm nhiệm công tác quản lý và điều hành: cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật.
- Làm cán bộ công chức, viên chức hay cán bộ kỹ thuật tại các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện, cấp xã về lĩnh vực Quản lý đất đai như: Bộ Tài nguyên - Môi trường, Sở Tài nguyên - Môi trường các tỉnh, Các Trung tâm kỹ thuật tài nguyên, Trung tâm phát triển quỹ đất, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh, Phòng Tài nguyên - Môi trường, Văn phòng đăng ký, trung tâm phát triển quỹ đất các quận/huyện, Cán bộ Địa chính xã/phường.
- Chuyên viên cho các UBND các cấp Tỉnh/Thành Phố, Quận/huyện; các Viện nghiên cứu như: Viện nghiên cứu Địa chính, Viện Tài nguyên - Môi trường, Viện Quy hoạch - Thiết kế, Cục đo đạc bản đồ, Cục Quản lý đất đai, Chi cục Quản lý đất đai các tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Khoa học Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và PTNT.
- Làm cán bộ công chức, viên chức hay cán bộ kỹ thuật tại các Chi cục, Trung tâm hoặc Văn phòng như: Chi cục quản lý đất đai, Chi cục môi trường, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên đất và Môi trường; Trung tâm khai thác và kinh doanh bất động sản; các Khu Công nghiệp; Khu Kinh tế...
- Làm tư vấn cho các công ty như: Công ty đo đạc, Công ty môi giới và định giá bất động sản; các dự án liên quan đến đất đai và bất động sản, các đơn vị thẩm định giá (ngân hàng, công ty thẩm định giá...).
- Làm giảng viên, giáo viên hay nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực Quản lý đất đai, Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các Cơ sở giáo dục đào tạo có các ngành nghề về nông nghiệp, Hiệp hội, trung tâm dạy nghề.

4. **Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

- Có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các trình độ sau đại học: Thạc sĩ, Tiến sĩ ngành Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên, Khoa học đất, Phát triển nông thôn, Quản lý thị trường bất động sản và các ngành gần khác.
- Có khả năng tự học nâng cao trình độ để đảm nhận tốt những nhiệm vụ về quản lý và chuyên môn nghiệp vụ.

5. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP003	Giáo dục quốc phòng – An ninh 1 (*)	3	3		45		Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP004	Giáo dục quốc phòng – An ninh 2 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP005	Giáo dục quốc phòng – An ninh 3 (*)	3	3		30	45	Bố trí theo nhóm ngành		
4	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		I, II, III	
5	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60			I, II, III	
6	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023	I, II, III	
7	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024	I, II, III	
8	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025	I, II, III	
9	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031	I, II, III	
10	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	I, II, III	
11	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45			I, II, III	
12	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	I, II, III	
13	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005	I, II, III	
14	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006	I, II, III	
15	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL004	I, II, III	
16	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4			60		FL005	I, II, III	
17	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1			15			I, II, III
18	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2				60		I, II, III
19	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2			30			I, II, III
20	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3			45		ML009	I, II, III
21	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010	I, II, III	
22	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006	I, II, III	
23	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			I, II, III	
24	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			I, II, III	
25	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			I, II, III	
26	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			I, II, III	
27	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			I, II, III	
28	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			I, II, III	
29	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		I, II, III	
30	TN016	Điện và quang đại cương	2		2	30			I, II, III	
31	SP075	Đại cương về trái đất	2			30			I, II, III	
32	TN012	Đại số tuyến tính và hình học	4	4		60			I, II, III	
33	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45			I, II, III	
Cộng: 47 TC (Bắt buộc: 30 TC; Tự chọn: 17 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
34	MT155	Trắc địa đại cương	3	3		30	30		I, II	
35	SP015	Địa chất đại cương	2	2		15	30		I, II	
36	CN004	Khí tượng thủy văn	2	2		20	20		I, II	
37	NN230	Thổ nhưỡng A	3	3		30	30	SP015	I, II	
38	NN508	Đánh giá đất	2	2		15	30	NN230	I, II	
39	NN242	Viễn thám 1	2	2		15	30		I, II	
40	NN245	Hệ thống thông tin địa lý – GIS	2	2		20	20		I, II	
41	NN257	Lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính	2	2		30			I, II	
42	NN262	Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai	2	2		30			I, II	
43	MT156	Phương pháp nghiên cứu khoa học-QLDD	2	2		15	30		I, II	
44	MT308	Quản lý và đánh giá tác động môi trường	2	2		30			I, II	
45	KL327	Luật đất đai	3	3		45		KL001	I, II	
46	NN243	Kỹ thuật bản đồ địa chính	3	3		30	30		I, II	
47	NN297	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính	2	2		15	30	TN033	I, II	
48	MT157	Nông nghiệp đô thị	2	2		30			I, II	
49	MT158	Quản lý đô thị	2	2		30			I, II	
Cộng: 36 TC (Bắt buộc: 36 TC; Tự chọn: 0 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
50	NN255	Quy hoạch và phát triển nông thôn	2	2		30		NN508	I, II	
51	MT220	Quản lý nhà nước về đất đai	2	2		30		KL327	I, II	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
52	MT221	Quy hoạch phát triển vùng và đô thị	2	2		20	20		I, II
53	NN176	Quản lý và khai thác tài nguyên đất đai	2	2		30		NN230	I, II
54	NN248	Đo đạc địa chính	4	4		30	60	MT155	I, II
55	NN250	Quản lý thông tin đất đai LIS-LIM	3	3		15	60	NN245, NN297	I, II
56	MT222	Phát triển bền vững tài nguyên đất đai	2	2		30			I, II
57	NN253	Quy hoạch phân bổ sử dụng đất	3	3		30	30	NN508	I, II
58	NN259	Phân hạng và định giá đất	2	2		15	30	NN508	I, II
59	NN299	Quản lý và phân tích thị trường bất động sản	3	3		45		NN259	I, II
60	KL423	Pháp luật về thanh tra đất đai	2	2		30		KL327	I, II
61	MT223	Mô hình hoá trong quản lý đất đai	2	2		20	20	NN297	I, II
62	MT224	Đồ họa và thiết kế cảnh quan đô thị	3	3		30	30	NN245	I, II
63	NN298	Viễn thám ứng dụng	2	2		15	30	NN242	I, II
64	MT225	Kỹ năng chuyên ngành	2	2		20	20		I, II
65	NN502	Rèn nghề - QLDD	1	1			30		III
66	NN261	TT. Chuyên ngành – QLDD	2	2			60		III
67	NN274	Autocad và Hệ thống định vị toàn cầu GPS	2			15	30		I, II
68	NN521	Phong thủy	2			20	20		I, II
69	KT006	Quản lý dự án đầu tư đại cương	2			30			I, II
70	MT240	Phương pháp điều tra thông tin tài nguyên đất đai	2			20	20		I, II
71	MT226	Thống kê địa lý	2			15	30		I, II
72	MT227	Dự báo biến động tài nguyên đất đai	2			15	30		I, II
73	MT228	Quản lý và giảm nhẹ thiên tai	2		8	15	30		I, II
74	MT229	Kinh tế tài nguyên đất đai	2			30			I, II
75	MT209	Biến đổi khí hậu và ứng phó	2			20	20		I, II
76	MT231	Phân tích sinh kế trong thay đổi sử dụng đất	2			20	20		I, II
77	NN160	Anh văn chuyên môn QLDD	2			30		XH025	I, II
78	XH019	Pháp văn chuyên môn KH&CN	2			30		XH006	I, II
79	NN377	Hệ thống canh tác	2			30			I, II
80	MT261	Chiến lược phát triển tài nguyên đất đai	2			30			I, II
81	MT262	Quản lý tổng hợp tài nguyên đất đai	2			30			I, II
82	MT263	Xử lý số liệu đo đạc	2			30		NN248	I, II
83	MT264	Quản lý công trình xây dựng đô thị	2		10	30			I, II
84	MT265	Phân tích và Thiết kế HTTT địa chính	2			30		NN297	I, II
85	MT397	Tiểu luận tốt nghiệp - QLDD	4				120	≥ 105 TC	I, II
86	NN275	Luận văn tốt nghiệp - QLDD	10				300	≥ 105 TC	I, II
Cộng: 57 TC (Bắt buộc: 39 TC; Tự chọn: 18 TC)									
Tổng cộng: 140 TC (Bắt buộc: 105 TC; Tự chọn: 35 TC)									

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường hoặc học tích lũy.

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG



Hà Thanh Toàn

HỘI ĐỒNG KH và ĐT
CHỦ TỊCH

Lê Việt Dũng

KHOA MÔI TRƯỜNG và TNTN
TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Hiếu Trung